TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 176/2020/HNGĐ-PT
Ngày: 19-3-2020
V/v tranh chấp ly hôn, chia tài sản khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lê Thọ Viên

Các Thẩm phán: Bà Phùng Thị Như Mai

Bà Hoàng Thị Bích Thảo

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hiệp Định - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Võ Phạm Phương Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 19/3/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử công khai vụ án thụ lý số 152/2019/TLPT-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2019 về vụ việc "Tranh chấp ly hôn, chia tài sản khi ly hôn".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 1034/2019/HNGĐ-ST ngày 27 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 728/2020/QĐ-PT ngày 20 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Dương Huệ Ch, sinh năm: 1977

Địa chỉ: Số 290/51H đường DBT, phường M, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền về tài sản: Bà Phạm Thị Th, sinh năm: 1957

2. Bị đơn: Ông Hán Thành Tr, sinh năm: 1980

Địa chỉ: ấp 5, xã PP, huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Nguyễn Thị C, sinh năm: 1955

Địa chỉ: ấp 5, xã PP, huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.2. Công ty LP

Địa chỉ: đường NVL, xã PP, huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện ủy quyền: Ông Nguyễn Thanh V, sinh năm: 1979

4. Người kháng cáo: Bà Dương Huệ Ch.

5. Người kháng nghị: Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trình bày của bà Dương Huệ Ch:

Bà và ông Hán Thành Tr tự quen biết, tìm hiểu nhau được khoảng 02 năm thì kết hôn chung sống (bà Ch không nhớ bắt đầu chung sống từ thời gian nào). Bà và ông Tr không tổ chức lễ cưới nhưng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội vào năm 2013. Bà và ông Tr chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hòa hợp nên thường xuyên cãi nhau, dẫn tới xô xát. Ông Tr đã từng bạo hành bà. Bà Ch và ông Tr đã ly thân nhau (bà Ch không nhớ rõ thời điểm bắt đầu ly thân). Nay bà Ch không còn tình cảm gì với ông Tr nên bà yêu cầu ly hôn với ông Tr.

Về con chung: Bà Ch và ông Tr có 01 con chung tên Hán Phúc M, sinh ngày 19/12/2012. Hiện tại trẻ M đang ở chung với ông Tr. Bà Ch yêu cầu được nuôi con chung, yêu cầu ông Tr cấp dưỡng mỗi tháng 5.000.000 đồng (năm triệu đồng).

Về tài sản chung: Bà Ch xác nhận bà và ông Tr có tài sản chung là căn hộ chung cư tại địa chỉ ấp 5, xã PP, huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Ch yêu cầu được nhận căn hộ và sẽ thanh toán lại cho ông Tr ½ giá trị căn hộ theo chứng thư thẩm định giá.

Về nợ chung: Bà Ch xác nhận bà và ông Tr không có nợ chung.

Ngoài ra bà Ch không có ý kiến, yêu cầu nào khác.

Bị đơn ông Hán Thành Tr trình bày:

Ông và bà Dương Huệ Ch tự quen biết, tìm hiểu nhau từ năm 2009, tìm hiểu được khoảng 03 năm thì kết hôn chung sống. Ông bà không tổ chức lễ cưới nhưng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội vào tháng 6/2012. Thời gian đầu ông Tr và bà Ch chung sống hạnh phúc, có mâu thuẫn nhưng vợ chồng đều tự hòa giải được. Đến năm 2018 thì mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, có xảy ra xô xát, nguyên nhân mâu thuẫn do bà Ch chung sống như vợ chồng với người đàn ông khác. Ông Tr và bà Ch đã ly thân nhau từ năm 2018 cho đến nay. Ông Tr đồng ý ly hôn với bà Ch.

Về con chung: Ông Tr xác nhận ông bà có 01 con chung tên Hán Phúc M, sinh ngày 19/12/2012. Hiện tại trẻ M đang ở chung với ông Tr. Ông Tr yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu bà Ch cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Ông Tr xác nhận ông và bà Ch có tài sản chung là căn hộ tại địa chỉ: ấp 5, xã PP, huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh. Đối với tài sản này ông Tr đề xuất 02 phương án giải quyết:

- Phương án 1: Bán căn hộ nêu trên, sau khi trừ đi phần tiền nợ chung đối với mẹ của ông Tr là bà Nguyễn Thị C, số tiền còn lại ông Tr và bà Ch chia đôi.

- Phương án 2: Phân chia dựa trên công sức đóng góp của mỗi bên.

Về nợ chung: Trong quá trình chung sống với bà Ch, ông Tr có vay của mẹ ông là Nguyễn Thị C số tiền 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng). Số tiền này ông Tr dùng để góp tiền với bà Ch để cùng mua căn hộ tại ấp 5, xã PP, huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó ông Tr yêu cầu bà Ch cùng có trách nhiệm trả nợ với ông. Về nghĩa vụ trả nợ sẽ căn cứ theo phương thức phân chia tài sản chung để giải quyết nợ chung.

Tại phiên tòa ông Tr yêu cầu được nhận căn hộ tại ấp 5, xã PP, huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh và hoàn cho bà Ch ½ giá trị căn hộ theo chứng thư thẩm định giá.

Người có quyền lợi nghĩa vụ khách quan trình bày:

1. Bà Nguyễn Thị C trình bày:

Vào ngày 09 tháng 5 năm 2016, bà có cho gia đình con ruột của bà là ông Hán Thành Tr vay một số tiền là 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng). Mục đích cho vay là để vợ chồng ông Hán Thành Tr và bà Dương Huệ Ch mua căn hộ tại Ấp 5, xã PP, huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh làm nơi cư trú.

Để có số tiền cho vay trên, bà đã thế chấp sổ tiết kiệm cá nhân có mệnh giá 1.200.000.000 đồng (một tỷ hai trăm triệu đồng) mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong và có thời hạn 05/11/2015 – 05/12/2016, để vay lại từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong số tiền 900.000.000 đồng (chín trăm triệu đồng) trả lãi theo tháng. Sáng ngày 09/5/2016 bà C đã nhận số tiền vay 900.000.000 đồng này từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong tại Chi nhánh 73 đường Cộng Hòa, Phường 4, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Sáng ngày 09/5/2016, bà đã gộp số tiền 900.000.000 đồng (chín trăm triệu đồng) nhận từ Ngân hàng thương mại cổ phần Tiên Phong cùng với số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) Bà mang theo để bàn giao cho ông Hán Thành Tr vay một tỉ đồng phục vụ việc mua căn hộ. Gia đình ông Hán Thành Tr chịu trách nhiệm trả lãi theo tháng cho khoản vay 900.000.000 đồng (chín trăm triệu đồng) từ Ngân hàng thương mại cổ phần Tiên Phong từ tháng 5/2016 tới tháng 12/2016. Tới tháng 12/2016, bà C đã thanh toán khoản vay 900.000.000 đồng (chín trăm triệu đồng) với Ngân hàng thương mại cổ phần Tiên Phong. Do đó, từ tháng 01/2017 tới nay, bà cho gia đình ông Hán Thành Tr vay số tiền một tỷ đồng không phải trả lãi.

Cũng trong sáng ngày 09/5/2016, bà C đã cùng ông Hán Thành Tr và bà Dương Huệ Ch tới Sàn giao dịch của Công ty LP tiến hành giao dịch mua căn hộ tại ấp 5, xã PP, huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh.

Nay bà Dương Huệ Ch kiện ly hôn ông Hán Thành Tr với yêu cầu chia đôi căn hộ nói trên, khiến mục đích cho vay của bà C là giúp đỡ gia đình ông Hán Thành Tr có chỗ ở đã không còn nữa. Do đó, bà C yêu cầu vợ chồng ông Hán Thành Tr và bà Dương Huệ Ch thanh toán khoản vay 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng) theo phương thức trả một lần ngay khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, bà C không yêu cầu tính lãi vay.

Ngoài ra bà C không có ý kiến, yêu cầu gì khác. Tại phiên tòa Bà vẫn giữ yêu cầu như trên.

2. Công ty LP có đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Thanh V trình bày:

Vào ngày 09/5/2016, ông Hán Thành Tr, bà Dương Huệ Ch ký hợp đồng mua bán nhà số 172/2016/HĐMB-CC với Công ty LP để mua căn hộ tại ấp 5, xã PP, huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông Tr và bà Ch còn nợ của công ty LP các khoản sau:

- Nợ 5% giá trị hợp đồng tương đương 83.134.282 đồng (tám mươi ba triệu một trăm ba mươi bốn ngàn hai trăm tám mươi hai đồng) với lý do Công ty LP chưa bàn giao giấy chứng nhận quyền sở hữu căn hộ. Ông Tr và bà Ch đã thanh toán được 95% giá trị hợp đồng ký kết.

- Hiện nay Công ty LP đang nộp hồ sơ đến Văn phòng đăng ký đất đai Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu căn hộ, hồ sơ hiện đang được Văn phòng đăng ký đất đai Thành phố Hồ Chí Minh xử lý. Chi phí làm thủ tục để cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu căn hộ là 12.537.412 đồng (mười hai triệu năm trăm ba mươi bảy ngàn bốn trăm mười hai đồng). Chi phí này ông Tr và bà Ch phải đóng.

Căn hộ tại ấp 5, xã PP, huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh đã được Công ty LP bàn giao cho ông Tr, bà Ch quản lý, sử dụng từ năm 2016. Nay ông Tr, bà Ch ly hôn và yêu cầu phân chia tài sản chung là căn hộ nêu trên thì Công ty LP không có bất kỳ ý kiến, yêu cầu và tranh chấp gì trong vụ án này, đề nghị Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh giải quyết yêu cầu của bà Ch và ông Tr theo quy định pháp luật.

Tại Bản án số 1034/2019/HNGĐ-ST ngày 27 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Dương Huệ Ch và ông Hán Thành Tr.

Giấy chứng nhận kết hôn số 121 Quyển số 01/2013 do Ủy ban nhân dân phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội cấp ngày 28/6/2013 không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Bà Ch và ông Tr có 01 (một) con chung tên: Hán Phúc M, sinh ngày 19/12/2012, giới tính nam.

Giao trẻ Hán Phúc M, sinh ngày 19/12/2012, giới tính nam cho ông Hán Thành Tr trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Tr không yêu cầu bà Ch thực nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Bà Dương Huệ Ch có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Bà Dương Huệ Ch và ông Hán Thành Tr có tài sản chung là: Một căn hộ tại ấp 5, xã PP, huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Tr được sở hữu Căn hộ tại ấp 5, xã PP, huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh, ông Tr được quyền liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền để được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu căn hộ nêu trên theo quy định của pháp luật.

Ông Tr có nghĩa vụ thanh toán cho Bà Ch ½ giá trị căn hộ tại ấp 5, xã PP, huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh với số tiền là 883.890.000 đồng (tám trăm tám mươi ba triệu tám trăm chín mươi nghìn đồng) ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

4. Về nợ chung: Bà Dương Huệ Ch và ông Hán Thành Tr mỗi người có trách nhiệm thanh toán cho bà Nguyễn Thị C 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng) theo phương thức trả một lần ngay khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

5. Về chi phí tố tụng: Tổng chi phí 33.077.804 đồng (ba mươi ba triệu không trăm bảy mươi bảy nghìn tám trăm lẻ bốn đồng) bà Dương Huệ Ch đã tạm ứng. Ông Hán Thành Tr có trách nhiệm thanh toán cho bà Dương Huệ Ch ½ số tiền chi phí tố tụng là 16.538.902 đồng (mười sáu triệu năm trăm ba mươi tám nghìn chín trăm lẻ hai đồng) ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ thì còn phải trả thêm tiền lãi, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

6. Về án phí:

- Bà Dương Huệ Ch phải chịu: 62.816.700 đồng (sáu mươi hai triệu tám trăm mười sáu ngàn bảy trăm đồng) án phí sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn và yêu cầu phân chia tài sản chung, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 21.300.000 đồng (hai mươi mốt triệu ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số AA/2018/0006397 ngày 04 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Ch phải nộp bổ sung số tiền án phí là 41.516.700 đồng (bốn mươi mốt triệu năm trăm mười sáu ngàn bảy trăm đồng).

- Ông Hán Thành Tr phải chịu: 62.516.700 đồng (sáu mươi hai triệu năm trăm mười sáu nghìn bảy trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm trong đó: 38.516.700 đồng (ba mươi tám triệu năm trăm mười sáu nghìn bảy trăm đồng) án phí dân sự

sơ thẩm về việc phân chia tài sản chung và 24.000.000 đồng (hai mươi bốn triệu đồng) án phí về nợ chung.

- Bà Nguyễn Thị C được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của đương sự theo luật định.

Ngày 27 tháng 9 năm 2019, bà Dương Huệ Ch kháng cáo một phần bản án sơ thẩm với yêu cầu:

Về nợ chung: Bà đồng ý nhận trách nhiệm cho ½ khoản nợ là 500.000.000 đồng và số tiền này bà sẽ tự thanh toán với bà C.

Về tài sản chung: Bà yêu cầu được nhận nhà là Căn hộ tại ấp 5, xã PP, huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh và hoàn lại tiền cho ông Tr 1/3 giá trị căn nhà.

Ngày 11 tháng 10 năm 2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh đã có Quyết định kháng nghị số 02/QĐKN-VKS đối với bản án sơ thẩm số 1034/2019/HNGĐ-ST ngày 27 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh có nội dung:

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Dương Huệ Ch đồng ý cấp dưỡng nuôi con là 1.000.000 đồng/tháng nếu Tòa án giao trẻ Hán Phúc M cho ông Tr nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Tuy nhiên bản án sơ thẩm giao con chung cho ông Hán Thành Tr trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Tr không yêu cầu bà Ch thực nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con" là không giải quyết đầy đủ các yêu cầu của đương sự, gây ảnh hưởng trực tiếp đến quyền lợi ích hợp pháp của trẻ Hán Phúc M.

Về tài sản chung:

Tài sản chung là căn hộ tại ấp 5, xã PP, huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo lời trình bày của bà Dương Huệ Ch, bà Nguyễn Thị C và ông Hán Thành Tr xác định bà Ch có đóng góp bằng tiền cá nhân là 630.000.000 đồng và bà Dương Huệ Ch và ông Hán Thành Tr có vay của bà Nguyễn Thị C số tiền 1.000.000.000 đồng để mua căn hộ chung cư này.

Căn cứ vào hóa đơn giá trị gia tăng ngày 29/5/2017 giữa Công ty LP và ông Hán Thành Tr, bà Dương Huệ Ch thì tổng số tiền ông Tr, bà Ch phải thanh toán để mua căn hộ là 1.662.685.615 đồng.

Qua phân tích trên, xác định bà Dương Huệ Ch có đóng góp 630.000.000 đồng tiền cá nhân và 500.000.000 đồng tiền nợ của bà C nên tổng tiền bà Ch đóng góp vào tài sản chung là 1.130.000.000 đồng trong tổng số tiền 1.662.685.615 đồng mua căn hộ chung cư đang tranh chấp (chiếm 2/3 giá trị căn hộ). Do đó, cần xem xét chia tài sản chung này theo giá trị công sức đóng góp của các bên để đảm bảo quyền lợi và nghĩa vụ của cả ông Tr và bà Ch theo quy

định tại điểm b khoản 2 Điều 59 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Theo đó, bà Ch hưởng trên 2/3 giá trị căn hộ chung cư nêu trên.

Tại cấp phúc thẩm:

Các đương sự đã tự thỏa thuận giải quyết toàn bộ nội dung vụ án theo Biên bản ghi nhận thỏa thuận của đương sự ngày 27 tháng 02 năm 2020 như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Dương Huệ Ch với ông Hán Thành Tr thuận tình ly hôn.

+ Về con chung: Tiếp tục Giao trẻ Hán Phúc M, sinh ngày 19/12/2012 cho ông Hán Thành Tr trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giao dục con chung. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Tr không yêu cầu bà Ch thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với bà Dương Huệ Ch.

Bà Dương Huệ Ch có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà Dương Huệ Ch và ông Hán Thành Tr có tài sản chung là: Một căn hộ tại ấp 5, xã PP, huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Tr được sở hữu Căn hộ tại ấp 5, xã PP, huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh sau khi tự nguyện thanh toán cho Bà Ch số tiền 1.086.000.000 (Một tỷ không trăm tám mươi sáu triệu đồng) trong thời hạn 1 tháng tính từ khi bản án có hiệu lực pháp luật. Ông Tr được quyền liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền để được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu căn hộ nêu trên theo quy định của pháp luật.

- Về nợ chung: Bà Dương Huệ Ch và ông Hán Thành Tr mỗi người có trách nhiệm thanh toán cho bà Nguyễn Thị C 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng) theo phương thức trả một lần ngay khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

- Về án phí sơ thẩm và chi phí tố tụng: Các bên thống nhất tính như án sơ thẩm đã tuyên.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử và đương sự thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị sửa án sơ thẩm; Công nhận thỏa thuận của đương sự theo nội dung Biên bản ngày 27 tháng 02 năm 2020. Do đương sự tự thỏa thuận giải quyết toàn bộ nội dung vụ án nên đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phúc thẩm rút lại toàn bộ nội dung Quyết định kháng nghị số 02/QĐKN-VKS ngày 11 tháng 10 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng: Nguyên đơn và đại diện về tài sản của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử xử vắng mặt các đương sự trên theo quy định tại Điều 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phúc thẩm rút lại toàn bộ nội dung Quyết định kháng nghị số 02/QĐKN-VKS ngày 11 tháng 10 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh nên Hội đồng xét xử Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng nghị nêu trên theo thủ tục chung.

- Về nội dung và yêu cầu của đương sự tại phiên tòa phúc thẩm:

Tại cấp phúc thẩm, các đương sự đã tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án theo nội dung thỏa thuận tại Biên bản ngày 27 tháng 02 năm 2020 như đã nêu phần trên. Sự thỏa thuận của họ là tự nguyện không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận này của các đương sự. Việc sửa án không có lỗi của cấp sơ thẩm.

Hoàn tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm cho bà Dương Huệ Ch.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 148, Điều 293, Điều 284, Điều 300, Điều 313 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng nghị Quyết định kháng nghị số 02/QĐKN-VKS ngày 11 tháng 10 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Sửa án sơ thẩm; Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Dương Huệ Ch với ông Hán Thành Tr thuận tình ly hôn.

+ Về con chung: Tiếp tục Giao trẻ Hán Phúc M, sinh ngày 19/12/2012 cho ông Hán Thành Tr trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giao dục con chung. Ghi

nhận sự tự nguyện của ông Tr không yêu cầu bà Ch thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với bà Dương Huệ Ch.

Bà Dương Huệ Ch có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà Dương Huệ Ch và ông Hán Thành Tr có tài sản chung là: Một căn hộ tại ấp 5, xã PP, huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Tr được sở hữu Căn hộ tại ấp 5, xã PP, huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh sau khi tự nguyện thanh toán cho Bà Ch số tiền 1.086.000.000 (Một tỷ không trăm tám mươi sáu triệu đồng) trong thời hạn 1 tháng tính từ khi bản án có hiệu lực pháp luật. Ông Tr được quyền liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền để được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu căn hộ nêu trên theo quy định của pháp luật.

- Về nợ chung: Bà Dương Huệ Ch và ông Hán Thành Tr mỗi người có trách nhiệm thanh toán cho bà Nguyễn Thị C 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng) theo phương thức trả một lần ngay khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

- Về chi phí tố tụng: Tổng chi phí 33.077.804 đồng bà Dương Huệ Ch đã tạm ứng. Ông Hán Thành Tr có trách nhiệm thanh toán cho bà Dương Huệ Ch ½ số tiền chi phí tố tụng là 16.538.902 đồng ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

- Về án phí: Bà Dương Huệ Ch phải chịu: 62.816.700 đồng án phí sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn và yêu cầu phân chia tài sản chung, được trừ số tiền tạm ứng án phí là 21.300.000 đồng theo Biên lai thu số AA/2018/0006397 ngày 04 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Ch phải nộp bổ sung số tiền án phí là 41.516.700 đồng (bốn mươi mốt triệu năm trăm mười sáu ngàn bảy trăm đồng).

- Ông Hán Thành Tr phải chịu: 62.516.700 đồng án phí dân sự sơ thẩm trong đó: 38.516.700 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc phân chia tài sản chung và 24.000.000 đồng án phí về nợ chung.

- Bà Nguyễn Thị C được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm cho bà Dương Huệ Ch là 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0002988 ngày 27 tháng 09 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- TAND H. Bình Chánh;
- Chi cục THADS H. Bình Chánh;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thọ Viên